

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2018.

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2018 về việc “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐST- HNGĐ ngày 01/6/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 14/9/1970;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Hoàng Mai, Hà Nội;

Nơi cư trú hiện nay: Saitamaken Yashioshi Oaza Kisone 373 – 1 (Nhật Bản);

Tạm trú: Số X phố Y, Hoàng Mai, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh ngày 15/7/1979;

Địa chỉ hiện nay: Cơ sở A, thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn ly hôn, bản tự khai, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/3/2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 6/2017, vợ chồng đã ly thân. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Vợ chồng không có con chung, tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2018, anh H trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị L trình bày trong đơn xin ly hôn là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh đồng ý; Vợ chồng không có con chung, tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định; Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS), Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử cho chị L ly hôn với anh H và buộc chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đang cư trú tại Nhật Bản nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ, chị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đối với chị L và anh H.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Trung H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Chị L xin ly hôn, anh H đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị L ly hôn với anh H.

Chị L và anh H không có con chung, tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003181 ngày 23/02/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp pháp. Nguyên đơn (ở nước ngoài) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp pháp./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND huyện K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Tuyển